ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 43 /2019/QĐ-UBND	*Long An, ngày 14 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 5919/TTr-SNN ngày 30/9/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định đối với tất cả các công trình, hệ thống công trình thuỷ lợi đầu tư từ ngân sách nhà nước, hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân do nhà nước quản lý đã được xây dựng hoàn thành và đưa vào quản lý, khai thác, sử dụng; các sông, kênh, rạch tự nhiên do nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Long An (trừ các công trình thuỷ lợi đã được quy định tại Điều 40 của Luật Thủy lợi).

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình thuỷ lợi trong quá trình quản lý, khai thác, vận hành công trình trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Quy định phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình thuỷ lợi

1. Đối với trạm bơm

Phải có hàng rào bảo vệ khu vực trạm bơm và nhà quản lý, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ được tính từ mép ngoài hàng rào trở ra 3 mét.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

2. Đối với cống

a) Cống trên kênh: phạm vi vùng phụ cận bảo vệ thực hiện theo quy định đối với kênh tương ứng quy định tại khoản 5 điều này.

b) Cống có kết hợp cầu giao thông: ngoài các quy định phạm vi vùng phụ cận bảo vệ quy định tại điểm a, khoản 2 điều này, còn phải tuân thủ các quy định về phạm vi bảo vệ của ngành giao thông vận tải.

c) Các cống dưới đê: phạm vi vùng phụ cận bảo vệ áp dụng theo quy định của Pháp luật về Đê điều.

d) Các cống trên sông: phạm vi vùng phụ cận bảo vệ thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 40 Luật thủy lợi.

đ) Các cống nằm trong khu vực dân cư, khu công nghiệp phải có hàng rào bao quanh bảo vệ cống, nhà quản lý cống.

3. Đối với kênh nổi

Có lưu lượng nhỏ hơn 2m^3/giây, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tính từ chân mái ngoài của bờ kênh trở ra tối thiểu là 2 mét đối với kênh đất, 1 mét đối với kênh kiên cố.

4. Đối với hệ thống công trình Khu tưới Đức Hòa, Dự án Thủy lợi Phước Hòa

a) Những vị trí kênh có đường công vụ và mương tiêu cặp theo đường công vụ, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tính từ mép bờ mương tiêu (tiếp giáp mái kênh và mặt ruộng) phía ruộng trở ra tối thiểu là 1 mét.

b) Những vị trí kênh có đường công vụ mà không có mương tiêu, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tính từ chân mái ngoài đường công vụ trở ra tối thiểu là 1 mét.

c) Trong trường hợp áp dụng phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình thuỷ lợi theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 4 điều này, mà còn nằm trong phần đất công (đất đã được nhà nước giải tỏa bồi thường), thì phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình thuỷ lợi được tính đến hết phần đất công đã được giải tỏa bồi thường.

5. Đối với sông, rạch, kênh chìm

Phạm vi vùng phụ cận bảo vệ được tính từ mép sông, rạch, kênh trở ra mỗi bên và quy định cụ thể như sau:

a) Năng lực phục vụ tưới tiêu từ 5.000 ha trở lên, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 25 mét.

b) Năng lực phục vụ tưới tiêu từ 2.000 ha đến dưới 5.000 ha, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 20 mét.

c) Năng lực phục vụ tưới tiêu từ 1.000 ha đến dưới 2.000 ha, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 15 mét.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

d) Năng lực phục vụ tưới tiêu từ 500 ha đến dưới 1.000 ha, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 10 mét.

đ) Năng lực phục vụ tưới tiêu từ 200 ha đến dưới 500 ha, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 5 mét.

g) Năng lực phục vụ tưới tiêu dưới 200 ha, kênh nội đồng, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 3 mét.

h) Những đoạn sông, rạch, kênh đi qua khu vực thị trấn, khu đông dân cư phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 3 mét.

i) Đối với sông, rạch, kênh có bờ kênh kết hợp đường giao thông, thì phạm vi vùng phụ cận bảo vệ được tính từ chân bờ kênh trở ra 3 mét.

k) Những sông, rạch, kênh đào nạo vét bằng xáng thổi (tàu hút bùn) và những kênh có nhiệm vụ đặc biệt khác, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ được xác định cụ thể trong từng dự án được phê duyệt.

6. Đối với bờ bao thủy lợi

Phạm vi vùng phụ cận bảo vệ bờ bao được tính từ chân bờ bao trở ra mỗi phía như sau:

a) Bờ bao bảo vệ cho khu vực có diện tích từ 50 ha trở lên, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 5 mét.

b) Bờ bao bảo vệ cho khu vực có diện tích dưới 50 ha, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ tối thiểu là 3 mét.

7. Những công trình thuỷ lợi đi qua hoặc nằm trong khu, cụm công nghiệp cũng thực hiện phạm vi vùng phụ cận bảo vệ theo quy định tại quyết định này để quản lý, các hoạt động của khu, cụm công nghiệp không được ảnh hưởng đến sự an toàn, chất lượng công trình và chất lượng nước; công trình đã có quy hoạch chuyển đổi công năng được bàn giao cho chủ đầu tư khu, cụm công nghiệp hoặc đơn vị quản lý hạ tầng tương ứng để thực hiện theo dự án được duyệt.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/10/2019 và thay thế Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 23/01/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận bảo vệ các công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện,

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- TT. UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP Nguyễn Quốc Phan;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: THKSTTHC, KTTC;
- Lưu: VT, Nguyen.

QĐ_PV VUNG PHU CAN CTTL (5919)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Cần

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật